

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hách	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

#### **Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng
---------------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 về việc quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hách**  
**Tổng Giám đốc**

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Số: /2017/UHY - BCSX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 10 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tóm lược phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tới thời điểm 30/06/2017, tổng số công nợ tồn đọng trên 6 tháng của Công ty với số tiền là: 45.826.740.332 đồng, số trích lập dự phòng ước tính số tiền là: 6.036.459.600 đồng. Tuy nhiên, tới thời điểm soát xét, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tồn đọng này. Nếu trích lập dự phòng thì chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty tăng 6.036.459.600 đồng, khoản mục lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017 giảm 6.036.459.600 đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến “từ chối”.



---

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666- 2014- 112- 1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>323.835.944.001</b>	<b>308.936.935.908</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.545.857.463</b>	<b>3.853.459.450</b>
Tiền	111		4.545.857.463	3.853.459.450
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>14</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>224.023.492.960</b>	<b>170.694.598.598</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	176.379.693.357	116.702.119.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	24.770.757.937	31.417.268.957
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	17.666.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.459.901.245	14.575.209.678
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(252.859.579)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>89.097.060.666</b>	<b>127.878.259.066</b>
Hàng tồn kho	141		89.097.060.666	127.878.259.066
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>169.532.912</b>	<b>510.618.794</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	169.532.912	295.398.883
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	215.219.911
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>126.563.038.002</b>	<b>142.047.858.333</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.349.399.400</b>	<b>2.349.399.400</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.349.399.400	2.349.399.400
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.690.966.923</b>	<b>96.142.805.490</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	82.902.561.018	75.946.722.935
- Nguyên giá	222		132.704.067.517	119.266.904.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.801.506.499)	(43.320.181.682)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	18.788.405.905	20.196.082.555
- Nguyên giá	225		23.652.466.363	23.652.466.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.864.060.458)	(3.456.383.808)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.554.000)	(48.554.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>5.332.962.900</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.332.962.900
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>19.459.109.465</b>	<b>35.012.979.763</b>
Đầu tư vào công ty con	251		19.459.109.465	19.459.109.465
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	15.680.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(126.129.702)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.063.562.214</b>	<b>3.209.710.780</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.063.562.214	3.209.710.780
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>450.398.982.003</b>	<b>450.984.794.241</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>308.947.380.848</b>	<b>289.604.374.389</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>281.512.736.510</b>	<b>262.170.387.479</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	61.606.648.846	35.427.631.172
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		788.940.681	2.245.870.096
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	13.013.690.704	10.247.447.955
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.921.437.367	1.005.691.162
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.058.125.888	4.665.323.488
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	199.948.629.937	207.883.303.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.175.263.087	695.119.766
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.434.644.338</b>	<b>27.433.986.910</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	27.434.644.338	27.433.986.910
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.451.601.155</b>	<b>161.380.419.852</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>141.451.601.155</b>	<b>161.380.419.852</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.022.505.637	1.394.393.020
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.570.904.482)	15.986.026.832
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.986.026.832	3.619.814.858
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(20.556.931.314)	12.366.211.974
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>450.398.982.003</b>	<b>450.984.794.241</b>



Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc  
Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	160.790.382.668	120.536.772.311
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(6.986.347.332)</b>	<b>16.900.558.813</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	594.461.332	867.553.149
Chi phí tài chính	22	24	8.786.398.451	6.995.254.070
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.412.894.138</i>	<i>6.223.527.569</i>
Chi phí bán hàng	25	25	1.181.519.268	1.423.411.614
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.495.797.972	1.935.366.009
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(18.855.601.691)</b>	<b>7.414.080.269</b>
Thu nhập khác	31	26	1.336.029.843	866.019
Chi phí khác	32	27	1.175.511.709	15.872.328
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>160.518.134</b>	<b>(15.006.309)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(18.695.083.557)</b>	<b>7.399.073.960</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	1.483.626.968
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(18.695.083.557)</b>	<b>5.915.446.992</b>
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	-	-
<b>Lỗ suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>31</b>	-	-



**Nguyễn Hách**  
**Tổng Giám đốc**

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

**Nguyễn Thị Hương Huyền**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Hương Huyền**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		98.311.589.223	152.996.397.048
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(46.398.599.159)	(165.841.429.170)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.909.926.271)	(3.258.421.296)
Tiền lãi vay đã trả	4		(5.798.097.163)	(6.479.630.502)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		11.427.705.122	984.766.689
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.042.929.986)	(1.381.782.209)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.589.741.766</b>	<b>(22.980.099.440)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(89.074.182)	(159.479.787)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.666.000.000)	(54.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	54.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.680.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.680.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		252.058.275	786.983.018
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.176.984.093</b>	<b>(15.052.496.769)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31		-	48.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		40.126.887.500	121.326.511.501
Tiền trả nợ gốc vay	34		(91.195.310.100)	(129.090.241.138)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.599.036.841)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(51.068.422.600)</b>	<b>38.637.233.522</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>698.303.259</b>	<b>604.637.313</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>3.853.459.450</b>	<b>816.948.157</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.905.246)	(14.382.327)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.545.857.463</b>	<b>1.407.203.143</b>

Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 11 tháng 4 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, các sản phẩm bông đệm được sản xuất trong tháng và tính giá thành vào cuối tháng. Sản phẩm sản xuất được trong tháng sẽ được chuyển xuống cho các đại lý bán theo đơn đặt hàng.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Tại 30/06/2017, Công ty có 01 Công ty con là: Công ty Cổ phần Texnam – Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hòa, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 KỲ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 31
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06

**3.7 THUÊ TÀI SẢN**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Máy móc, thiết bị	04-10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận các khoản lãi.

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home, Công ty TNHH MTV Đệm và Nội thất G.Home, Công ty TNHH Bông và Chăn bông G.Home, Công ty Cổ phần Texnam, Công ty TNHH Golden Vtec (Công ty liên kết thoái toàn bộ vốn vào ngày 20/06/2017), các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.987.045.894	2.533.875.327
Tiền gửi không kỳ hạn	558.811.569	1.319.584.123
	<b>4.545.857.463</b>	<b>3.853.459.450</b>

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home (1)	17.666.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Bá Minh	-	-	5.000.000.000	-
- Bà Lê Thị Phụng	-	-	3.000.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>17.666.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Theo Hợp đồng cho vay ngày 01 tháng 04 năm 2017, thời hạn cho vay 06 tháng theo từng lần chuyển khoản, cho vay bằng tín chấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>176.379.693.357</b>	<b>-</b>	<b>116.702.119.963</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Du Lịch Lan Vinh	35.423.628.607	-	17.908.020.416	-
Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	17.128.121.789	-	15.664.002.600	-
Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	18.310.892.850	-	18.310.892.850	-
Công ty TNHH thương mại và công nghệ Việt Phúc Nam	8.252.926.250	-	10.751.001.250	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	15.172.536.066	-	280.500.000	-
Công ty TNHH Bông và Chăn bông G.Home	16.048.262.704	-	5.516.683.062	-
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Everhome	31.709.495.284	-	346.500.000	-
Các đối tượng khác	34.333.829.807	-	47.924.519.785	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>176.379.693.357</b>	<b>-</b>	<b>116.702.119.963</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>49.531.691.620</b>	<b>-</b>	<b>24.108.075.912</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	18.310.892.850	-	18.310.892.850	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	15.172.536.066	-	280.500.000	-
Công ty TNHH Bông và Chăn bông G.Home	16.048.262.704	-	5.516.683.062	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.459.901.245</b>	-	<b>14.575.209.678</b>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	51.988.000	-	12.283.961.678	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.207.444.704	-	-	-
- Phải thu khác	4.200.468.541	-	2.291.248.000	-
<i>Lãi dự thu</i>	<i>155.317.499</i>	-	<i>50.263.611</i>	-
<i>Thuế GTGT hàng Nhập khẩu chưa được khấu trừ</i>	<i>1.436.989.988</i>	-	<i>2.027.886.515</i>	-
<i>Công ty Cổ phần TEXNAM</i>	<i>2.000.000.000</i>	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Lan Vinh</i>	<i>25.525.500</i>	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home</i>	<i>132.221.528</i>	-	-	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>450.414.026</i>	-	<i>213.097.874</i>	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.349.399.400</b>	-	<b>2.349.399.400</b>	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.349.399.400	-	2.349.399.400	-
	<b>7.809.300.645</b>	-	<b>16.924.609.078</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.770.757.937</b>	<b>252.859.579</b>	<b>31.417.268.957</b>	-
Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng An Phát	-	-	1.020.625.819	-
Công ty cổ phần May và Xuất Nhập Khẩu Sơn Tây	6.732.868.589	-	4.272.150.874	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	-	-	9.170.614.696	-
Công ty TNHH Golden Vtec	7.967.000.000	-	7.967.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	8.134.858.358	-	8.725.754.885	-
Foshan Yuantian Mattress Machinery Co., LTD	202.403.979	202.403.979	202.403.979	-
Hohenstein Textile Testing Institute GMBH and Co.KG	21.746.650	21.746.650	21.746.650	-
Shanghai Sail, International Trading Co.,LTD	28.708.950	28.708.950	28.708.950	-
Các đối tượng khác	1.683.171.411	-	8.263.104	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>24.770.757.937</b>	<b>252.859.579</b>	<b>31.417.268.957</b>	-
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>8.134.858.358</b>	-	<b>25.863.369.581</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	-	-	9.170.614.696	-
Công ty TNHH Golden Vtec	-	-	7.967.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	8.134.858.358	-	8.725.754.885	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	75.516.467.855	-	95.467.622.595	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	571.380.932	-	-	-
Thành phẩm	4.930.150.074	-	14.755.392.895	-
Hàng hóa	12.038.396	-	3.427.802.914	-
Hàng gửi bán	8.067.023.409	-	14.227.440.662	-
	<b>89.097.060.666</b>	<b>-</b>	<b>127.878.259.066</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>169.532.912</b>	<b>295.398.883</b>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.840.438	24.307.152
- Chi phí mua bảo hiểm, bảo trì đường bộ	93.131.263	271.091.731
- Các khoản khác	47.561.211	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.063.562.214</b>	<b>3.209.710.780</b>
- Chi phí giải phóng mặt bằng	2.309.913.812	2.337.744.098
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	594.612.236	687.636.576
- Các khoản trả trước khác	159.036.166	184.330.106
	<b>3.233.095.126</b>	<b>3.505.109.663</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>01/01/2017</b>	<b>28.138.251.816</b>	<b>87.351.850.985</b>	<b>3.776.801.816</b>	<b>119.266.904.617</b>
- Mua trong kỳ	-	8.072.500.000	-	8.072.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.364.662.900	-	-	5.364.662.900
<b>30/06/2017</b>	<b>33.502.914.716</b>	<b>95.424.350.985</b>	<b>3.776.801.816</b>	<b>132.704.067.517</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>01/01/2017</b>	<b>(5.074.660.631)</b>	<b>(36.387.967.326)</b>	<b>(1.857.553.725)</b>	<b>(43.320.181.682)</b>
- Khấu hao trong kỳ	(685.138.508)	(5.526.414.747)	(269.771.562)	(6.481.324.817)
<b>30/06/2017</b>	<b>(5.759.799.139)</b>	<b>(41.914.382.073)</b>	<b>(2.127.325.287)</b>	<b>(49.801.506.499)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>01/01/2017</b>	<b>23.063.591.185</b>	<b>50.963.883.659</b>	<b>1.919.248.091</b>	<b>75.946.722.935</b>
<b>30/06/2017</b>	<b>27.743.115.577</b>	<b>53.509.968.912</b>	<b>1.649.476.529</b>	<b>82.902.561.018</b>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 530.718.273 đồng;

Tài sản cố định đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay Nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 132.704.067.517 đồng và 82.902.561.018 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2017	23.652.466.363	23.652.466.363
30/06/2017	<u>23.652.466.363</u>	<u>23.652.466.363</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2017	(3.456.383.808)	(3.456.383.808)
- Khấu hao trong kỳ	(1.407.676.650)	(1.407.676.650)
30/06/2017	<u>(4.864.060.458)</u>	<u>(4.864.060.458)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2017	<u>20.196.082.555</u>	<u>20.196.082.555</u>
30/06/2017	<u>18.788.405.905</u>	<u>18.788.405.905</u>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2017	48.554.000	48.554.000
30/06/2017	<u>48.554.000</u>	<u>48.554.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2017	(48.554.000)	(48.554.000)
- Khấu hao trong kỳ	-	-
30/06/2017	<u>(48.554.000)</u>	<u>(48.554.000)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2017	-	-
30/06/2017	<u>-</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

**14.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-

**14.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>19.459.109.465</b>	<b>19.459.109.465</b>	-	<b>35.139.109.465</b>	<b>35.139.109.465</b>	-
Đầu tư vào công ty con	19.459.109.465	19.459.109.465	-	19.459.109.465	19.459.109.465	-
+ Công ty Cổ phần Texnam (1)	19.459.109.465	19.459.109.465	-	19.459.109.465	19.459.109.465	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	15.680.000.000	15.680.000.000	-
+ Công ty TNHH Golden Vtec	-	-	-	15.680.000.000	15.680.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600943070 ngày 28 tháng 07 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Texnam, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam số tiền 34.200.000.000 đồng tương đương 95% vốn điều lệ. Tại thời điểm soát xét, Công ty đã góp 19.459.109.465 đồng tương đương 54% vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty còn phải góp thêm là 14.740.890.535 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>61.606.648.846</b>	<b>61.606.648.846</b>	<b>35.427.631.172</b>	<b>35.427.631.172</b>
- Công ty CP XNK đầu tư thương mại Box	5.778.000.000	5.778.000.000	5.778.000.000	5.778.000.000
- Công ty TNHH Shinhan Vina	2.193.410.997	2.193.410.997	2.193.410.997	2.193.410.997
- Công ty TNHH đầu tư thương mại Đức Hà	13.465.760.000	13.465.760.000	4.586.010.000	4.586.010.000
- Guangxi Candently Import And Export Co., LTD	3.302.375.000	3.302.375.000	3.304.550.000	3.304.550.000
- HUVIS CORPORATION	3.809.255.400	3.809.255.400	1.982.730.000	1.982.730.000
- Iwon International INC	1.737.163.125	1.737.163.125	4.097.072.250	4.097.072.250
- Line Textile Co., LTD	1.671.372.527	1.671.372.527	2.170.158.150	2.170.158.150
- Phải trả người bán khác	29.649.311.797	29.649.311.797	11.315.699.775	11.315.699.775
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>61.606.648.846</b>	<b>61.606.648.846</b>	<b>35.427.631.172</b>	<b>35.427.631.172</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>01/01/2017</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>30/06/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.350.366.515	16.214.519.620	13.580.909.187	4.983.976.948
- Thuế xuất, nhập khẩu	24.556.406	4.042.827	28.599.233	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.269.138.957	-	-	7.269.138.957
- Thuế thu nhập cá nhân	206.338.789	157.188.722	-	363.527.511
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	397.047.288	-	-	397.047.288
	<b>10.247.447.955</b>	<b>16.375.751.169</b>	<b>13.609.508.420</b>	<b>13.013.690.704</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.921.437.367</b>	<b>1.005.691.162</b>
- Chi phí lãi vay	3.921.437.367	1.005.691.162
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>3.921.437.367</b>	<b>1.005.691.162</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.058.125.888</b>	<b>4.665.323.488</b>
- Bảo hiểm xã hội	578.125.888	345.323.488
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	480.000.000	4.320.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>1.058.125.888</b>	<b>4.665.323.488</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>199.948.629.937</b>	<b>199.948.629.937</b>	<b>79.310.296.123</b>	<b>87.245.137.626</b>	<b>207.883.303.840</b>	<b>207.883.303.840</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>189.509.888.181</i>	<i>189.509.888.181</i>	<i>79.310.296.123</i>	<i>81.496.999.821</i>	<i>191.696.591.879</i>	<i>191.696.591.879</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (1)	59.878.725.900	59.878.725.900	33.156.887.500	32.807.323.931	59.529.162.331	59.529.162.331
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (USD)	32.790.544.702	32.790.544.702	11.440.708.990	11.191.064.517	32.540.900.229	32.540.900.229
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (2)	47.864.496.851	47.864.496.851	9.840.000.000	11.650.000.000	49.674.496.851	49.674.496.851
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (3)	48.976.120.728	48.976.120.728	24.872.699.633	25.848.611.373	49.952.032.468	49.952.032.468
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>7.821.177.942</i>	<i>7.821.177.942</i>	<i>-</i>	<i>4.883.467.658</i>	<i>12.704.478.000</i>	<i>12.704.478.000</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (VND) (4)	1.152.264.000	1.152.264.000	-	400.090.000	1.552.354.000	1.552.354.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (USD) (5)	381.709.000	381.709.000	167.600	382.379.400	763.920.800	763.920.800
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (6)	6.195.204.942	6.195.204.942	-	4.054.998.258	10.250.203.200	10.250.203.200
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (7)	92.000.000	92.000.000	-	46.000.000	138.000.000	138.000.000
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>2.617.563.814</b>	<b>2.617.563.814</b>	<b>-</b>	<b>864.670.147</b>	<b>3.482.233.961</b>	<b>3.482.233.961</b>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND)	2.073.181.944	2.073.181.944	-	687.064.817	2.760.246.761	2.760.246.761
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	544.381.870	544.381.870	-	177.605.330	721.987.200	721.987.200

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>27.434.644.338</b>	<b>27.434.644.338</b>	<b>657.428</b>	-	<b>27.433.986.910</b>	<b>27.433.986.910</b>
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	<i>16.467.632.881</i>	<i>16.467.632.881</i>	-	-	<i>16.467.632.881</i>	<i>16.467.632.881</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành Công (VND) (4)	2.580.788.500	2.580.788.500	-	-	2.580.788.500	2.580.788.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (6)	13.693.344.381	13.693.344.381	-	-	13.693.344.381	13.693.344.381
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (7)	193.500.000	193.500.000	-	-	193.500.000	193.500.000
- <b>Nợ thuê tài chính (3)</b>	<b>10.967.011.457</b>	<b>10.967.011.457</b>	<b>657.428</b>	-	<b>10.966.354.029</b>	<b>10.966.354.029</b>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND) (8)	9.874.934.320	9.874.934.320	-	-	9.874.934.320	9.874.934.320
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD) (9)	1.092.077.137	1.092.077.137	657.428		1.091.419.709	1.091.419.709
	<b>227.383.274.275</b>	<b>227.383.274.275</b>	<b>79.310.953.551</b>	<b>87.245.137.626</b>	<b>235.317.290.750</b>	<b>235.317.290.750</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 48425.16.058.946980.TD ngày 19 tháng 8 năm 2016 với giá trị hạn mức tín dụng bao gồm dư nợ, LC, bảo lãnh thanh toán: 90.000.000.000 đồng (trong đó dư nợ tối đa 60.000.000.000 đồng). Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh chăn, ga gối đệm, bông xơ của khách hàng. Lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ.

(2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐHMTD.80/2016/PVBĐĐ – G.HOME ngày 14 tháng 7 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bông tằm và chăn ga gối đệm, lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 160042/HĐTDK/VCB-DMGH ngày 04 tháng 05 năm 2016 với hạn mức 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng, lãi suất vay là 7%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (4) Khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 01 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 8,9%/năm – 14%/năm.
- (5) Khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 33.520 USD.
- (6) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ—KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tằm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 7,68%/năm đến 10%/năm.
- (7) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HĐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOMÉ ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay.
- (8) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00126-000 ngày 31 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 60 tháng. Lãi suất thuê là 8,5%/năm tính trên số dư gốc thuê (Lãi suất có thể điều chỉnh được trong suốt thời gian thuê).
- (9) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 48 tháng. Lãi suất thuê là 4,66%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>461.695.416</b>	<b>10.004.035.666</b>	<b>106.465.731.082</b>
- Tăng vốn trong năm	48.000.000.000	-	-	<b>48.000.000.000</b>
- Lãi trong năm	-	-	12.366.211.974	12.366.211.974
- Phân phối lợi nhuận		932.697.604	(6.384.220.808)	<b>(5.451.523.204)</b>
<b>31/12/2016</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.394.393.020</b>	<b>15.986.026.832</b>	<b>161.380.419.852</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.394.393.020</b>	<b>15.986.026.832</b>	<b>161.380.419.852</b>
- Lỗ trong kỳ	-	-	(18.695.083.557)	(18.695.083.557)
- Phân phối lợi nhuận		628.112.617	(1.861.847.757)	(1.233.735.140)
<b>30/06/2017</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>2.022.505.637</b>	<b>(4.570.904.482)</b>	<b>141.451.601.155</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	36.000.000.000	36.000.000.000
Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	26.700.000.000
Các cổ đông khác	81.300.000.000	81.300.000.000
	<b>144.000.000.000</b>	<b>144.000.000.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	144.000.000.000	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	48.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	144.000.000.000	144.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>480.000.000</b>	<b>4.320.000.000</b>

**20.4 CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	14.400.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**20.5 CÁC QUỸ**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2.022.505.637	1.394.393.020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
Doanh thu bán hàng hóa	80.008.874.225	19.967.960.540
Doanh thu bán thành phẩm	73.795.161.111	115.994.439.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.474.931.358
	<b>153.804.035.336</b>	<b>137.437.331.124</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>36.575.394.580</b>	<b>510.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	18.726.181.900	510.000.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn G.Home - Chi nhánh Đà Nẵng	125.198.460	-
Công ty TNHH Bông và Chân bông G.Home	17.724.014.220	-

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	78.515.645.402	18.139.555.258
Giá vốn thành phẩm đã bán	82.274.737.266	101.358.690.727
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.038.526.326
	<b>160.790.382.668</b>	<b>120.536.772.311</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	488.571.885	786.983.018
Lãi chênh lệch tỷ giá	105.889.447	80.548.007
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.124
	<b>594.461.332</b>	<b>867.553.149</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.412.894.138	6.223.527.569
Lãi thuê tài chính	174.819.387	704.750.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá	198.684.926	66.976.212
	<b>8.786.398.451</b>	<b>6.995.254.070</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Các khoản chi phí bán hàng</i></b>	<b>1.181.519.268</b>	<b>1.423.411.614</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	298.217.253	364.612.802
Chi phí vật liệu, bao bì	403.263.178	426.388.975
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.998.834	269.771.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.904.198	313.276.794
Chi phí bán hàng khác	139.135.805	49.361.481
<b><i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i></b>	<b>2.495.797.972</b>	<b>1.935.366.009</b>
Chi phí nhân viên quản lý	951.216.686	748.268.528
Chi phí vật liệu quản lý	22.504.240	63.762.073
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.665.221	21.990.088
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.880.195	69.127.068
Thuế phí, lệ phí	33.000.000	158.485.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.341.755	705.342.925
Chi phí quản lý khác	355.189.875	168.389.584

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ cho thuê	1.310.000.000	-
Các khoản khác	26.029.843	866.019
	<b>1.336.029.843</b>	<b>866.019</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản bị phạt	-	15.554.872
Chi hoạt động cho thuê máy	1.169.751.238	-
Các khoản chi phí khác	5.760.471	317.456
	<b>1.175.511.709</b>	<b>15.872.328</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(18.695.083.557)</b>	<b>7.399.073.960</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>		
- Chi phí phạt chậm nộp	-	15.872.328
- Giảm khác	-	3.188.552
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(18.695.083.557)</b>	<b>7.418.134.840</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	-	<b>1.483.626.968</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.483.626.968</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	122.345.442.069	94.810.006.753
Chi phí nhân công	2.922.878.671	4.318.269.887
Khấu hao tài sản cố định	7.233.971.377	6.896.057.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.033.738.409	1.787.831.370
Chi phí bằng tiền khác	723.720.921	1.661.280.926
	<b>135.259.751.447</b>	<b>109.473.446.115</b>

**30. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**31. LỖ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.545.857.463	3.853.459.450
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.674.490.514	119.314.880.848
Đầu tư dài hạn	19.459.109.465	19.459.109.465
Phải thu về cho vay	17.666.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>230.345.457.442</b>	<b>156.627.449.763</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	227.383.274.275	235.317.290.750
Phải trả người bán và phải trả khác	61.606.648.846	35.427.631.172
Chi phí phải trả	3.921.437.367	1.005.691.162
<b>Cộng</b>	<b>292.911.360.488</b>	<b>271.750.613.084</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(62.565.903.046)</b>	<b>(115.123.163.321)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lí rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>30/06/2017</b>			
Vay và nợ	199.948.629.937	27.434.644.338	227.383.274.275
Phải trả người bán và phải trả khác	61.606.648.846	-	61.606.648.846
Chi phí phải trả	3.921.437.367	-	3.921.437.367
<b>Cộng</b>	<b>265.476.716.150</b>	<b>27.434.644.338</b>	<b>292.911.360.488</b>
<b>01/01/2017</b>			
Vay và nợ	207.883.303.840	27.433.986.910	235.317.290.750
Phải trả người bán và phải trả khác	35.427.631.172	-	35.427.631.172
Chi phí phải trả	1.005.691.162	-	1.005.691.162
<b>Cộng</b>	<b>244.316.626.174</b>	<b>27.433.986.910</b>	<b>271.750.613.084</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.545.857.463	-	4.545.857.463
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.325.091.114	2.349.399.400	182.674.490.514
Đầu tư dài hạn	-	19.459.109.465	19.459.109.465
Phải thu về cho vay	17.666.000.000	-	17.666.000.000
<b>Cộng</b>	<b>208.536.948.577</b>	<b>21.808.508.865</b>	<b>230.345.457.442</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.853.459.450	-	3.853.459.450
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.965.481.448	2.349.399.400	119.314.880.848
Đầu tư dài hạn	-	19.459.109.465	19.459.109.465
Phải thu về cho vay	8.000.000.000	-	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>134.818.940.898</b>	<b>21.808.508.865</b>	<b>156.627.449.763</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Hợp đồng số 1647/ HĐĐĐ ngày 15 tháng 06 năm 2010, với Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, theo đó, Công ty được thuê đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Diện tích đất thuê là: 17.816,0 m<sup>2</sup>; thời hạn thuê đất đến ngày 31 tháng 12 năm 2058 để sử dụng vào mục đích xây dựng Nhà máy sản xuất đệm lò xo và đệm mút xuất khẩu. Giá tiền phải trả là: 2.450,0 đồng/m<sup>2</sup>/năm, giá thuê này được tính theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ – CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

**33.2 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	15.473,30	2.646,22

**33.3 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 như sau:

<b>STT</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
			<b>đến 30/06/2017</b>	<b>đến 30/06/2016</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	Công ty mẹ		
2	Công ty TNHH Bông và Chăn bông G.Home	Công ty cùng Tập đoàn		
3	Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	Công ty cùng Tập đoàn		
4	Công ty Cổ phần Texnam	Công ty cùng Tập đoàn		
5	Công ty TNHH Golden Vtec	Công ty liên kết (thoái toàn bộ vào tháng 06/2017)		
			<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
			<b>đến 30/06/2017</b>	<b>đến 30/06/2016</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>480.000.000</b>	<b>487.141.500</b>
	- Thù lao của Hội đồng quản trị		480.000.000	55.141.500
	- Lương của Tổng Giám đốc		-	432.000.000
	<b>Giao dịch với các bên liên quan</b>		<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
			<b>đến 30/06/2017</b>	<b>đến 30/06/2016</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home</b>			
	Mua nguyên vật liệu		1.251.435.200	403.091.658
	Lãi cho vay		132.221.528	-
	Chuyển tiền cho vay		17.666.000.000	-
	Doanh thu cho thuê máy đệm		510.000.000	-
	Bán hàng hóa sản phẩm		18.851.380.360	-
	<b>Công ty TNHH Đệm và Nội thất G.Home</b>			
	Mua hàng		-	3.564.165.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.



  
Nguyễn Hách  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 10 năm 2017

  
Nguyễn Thị Hương Huyền  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Hương Huyền  
Người lập